TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **42**/2021/HN-ST
Ngày: 21/01/2021
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Trung Trực**
+ Ông **Trương Hoàng Hoa**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Đỗ Thanh Phong -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 521/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bồ Thị Hồng A** – sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Trần Duy B** - sinh năm: 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Bồ Thị Hồng A trình bày: chị và anh B sống chung năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau, thường xuyên cãi nhau, anh B chơi cờ bạc gây nợ nần, không quan tâm vợ con. Chị và anh B ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: có một cháu tên Trần Đức C, sinh ngày 7/12/2016 hiện đang sống với chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn anh Trần Duy B vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bồ Thị Hồng A. Về con chung: giao cháu Trần Đức C, sinh ngày 7/12/2016 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung,nợ chung, nợ riêng: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bồ Thị Hồng A và anh Trần Duy B sống chung năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B và anh B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Trần Duy B mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Bồ Thị Hồng A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tình cảm: chị A yêu cầu ly hôn với anh B. Nguyên nhân ly hôn chị A trình bày là do giữa chị và anh B bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau, thường xuyên cãi nhau và anh B chơi cờ bạc gây nợ nần, không lo gia đình, quan tâm vợ con, chị khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi. Anh B trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh v vắng mặt không lý do, không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị A, chứng tỏ anh không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng hạnh phúc gia đình với chị A, cho thấy cuộc sống chung giữa chị A anh B đã có mâu thuẫn xảy ra nhưng anh chị không có biện pháp nào để giải quyết và hàn gắn tình cảm với nhau trong thời gian cả hai ly thân. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc, nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Đức C, sinh ngày 7/12/2016 hiện đang sống với chị A. Ly hôn chị A yêu cầu tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Duy hiện đang sống ổn định với chị A nên tiếp tục giao cháu Duy cho chị A nuôi dưỡng.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng: chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Chị A trình bày là anh B làm nghề buôn bán, có thu nhập ổn định. Anh B không có ý kiến gì đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị A. Do đó xét thấy yêu cầu của chị A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh B có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi cháu Duy mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu tròn 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị A, anh B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bồ Thị Hồng A.

[1] Về tình cảm: chị Bồ Thị Hồng A được ly hôn với anh Trần Duy B.

[2] Về con chung: giao cháu Trần Đức C, sinh ngày 7/12/2016 cho chị Bồ Thị Hồng A tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Duy B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Duy **mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)** đến khi cháu Duy tròn 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không thực hiện theo quyết định nêu trên thì hàng tháng anh B còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền cấp dưỡng tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không ai được quyền ngăn cản việc đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về án phí: chị Bồ Thị Hồng A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004265 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong.

Anh Trần Duy B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bồ Thị Hồng A được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với anh Trần Duy B vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên